

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 2356/2022/KDTM-ST

Ngày: 28-6-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Đăng Vạn
2. Ông Phạm Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại phòng xử trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2019/TLST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2818/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3675/2022/QĐST-KDTM ngày 07/6/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng FC.

Địa chỉ: phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Trần Thị Thủy T (có mặt)
- Ông Hồ Thanh Th (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2020).

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông B.

Địa chỉ: G23 đường Lã Xuân Oai, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Quốc Sang (vắng mặt)

Địa chỉ: 60A Đường 22, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 29/11/2021)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Phân Viện khoa học công nghệ xây dựng M

Trụ sở: phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng Tr (có đơn xin vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2020 và Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 15/9/2020 nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng FC (gọi tắt là Công ty FC) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/9/2017, Công ty F ký Hợp đồng thi công (V/v thi công cọc nhồi - hạng mục: Cọc thử) số 0409HĐTC-BT6 với Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông B (viết tắt là Công ty B). Theo đó, Công ty B đồng ý giao và Công ty F đồng ý nhận thi công 04 cọc khoan nhồi của gói cọc thử tại Dự án bao gồm 02 cọc D800 và 02 cọc D1000, bê tông mác 400R7. Công trình có đơn vị Tư vấn giám sát là Phân viện Khoa học Công nghệ Xây dựng miền Nam (viết tắt là Phân viện Miền Nam). Giá trị Hợp đồng là 917.598.154 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty F thành 02 đợt, cụ thể như sau:

Đợt 1: Tạm ứng 40% giá trị Hợp đồng sau khi ký hợp đồng có hiệu lực.

Đợt 2: Thanh toán phần còn lại khi Công ty F thi công xong toàn bộ 04 cọc và được Công ty B nghiệm thu xác nhận, trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ từ Công ty FC.

Ngày 11/10/2017, Công ty F gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu số 1110/YCNTCVXD-CKBT-D1000 đến Công ty B và Phân viện M yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công việc thi công cọc khoan nhồi: Cọc thử D1000-TP2 tại Công trường Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn.

Cùng ngày, Công ty F và Phân viện M tiến hành nghiệm thu và lập Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng số 1110AB/NTCVXD-CKBT-D1000. Theo đó, các bên xác nhận chất lượng thi công cọc đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và chuyển sang công việc tiếp theo.

Ngày 13/10/2017, Công ty F gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu số 1310/YCNTCVXD-CKBT-D1000 đến Công ty B và Phân viện M yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công việc thi công cọc nhồi: Cọc thử D1000-TP1 tại công trường Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn.

Cùng ngày, Công ty F và Phân viện M tiến hành nghiệm thu và lập Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng số 1310AB/NTCVXD-CKBT-D1000. Theo đó, các bên xác nhận chất lượng thi công cọc đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và chuyển sang công việc tiếp theo.

Ngày 15/10/2017, Công ty F gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu số 1510/YCNTCVXD-CKBT-D1000 đến Công ty B và Phân viện M yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công việc thi công cọc nhồi: Cọc thử D800-TP1 tại công trường Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn.

Cùng ngày, Công ty F và Phân viện M tiến hành nghiệm thu và lập Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng số 1510AB/NTCVXD-CKBT-D800. Theo đó, các bên xác nhận chất lượng thi công cọc đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và chuyển sang công việc tiếp theo.

Ngày 17/10/2017, Công ty F gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu số 1710/YCNTCVXD-CKBT-D800 đến Công ty B và Phân viện M yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công việc thi công cọc nhồi: Cọc thử D800-TP1 tại công trường Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn.

Cùng ngày, Công ty F và Phân viện M tiến hành nghiệm thu và lập Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng số 1710AB/NTCVXD-CKBT-D800. Theo đó, các bên xác nhận chất lượng thi công cọc đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và chuyển sang công việc tiếp theo.

Ngày 08/01/2018, Công ty F và Công ty B lập Bảng xác nhận giá trị khối lượng thi công đối với hạng mục thi công khoan cọc nhồi -cọc thử cho Dự án Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn. Theo đó, các bên xác nhận giá trị khối lượng thực hiện là 917.598.154 đồng. (Đã bao gồm 10% VAT).

Ngày 12/01/2018, Công ty F đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000255 trên số tiền 917.598.154 đồng cho Công ty B. Ngày 12/01/2018, Công ty B nhận được hóa đơn giá trị gia tăng và hồ sơ đề nghị thanh toán. Theo đó, Công ty B còn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 917.598.154 đồng cho Công ty FC.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP: “Trường hợp bên giao thầu thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng thương mại nơi bên nhận thầu mở tài khoản thanh toán công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán. Lãi chậm thanh toán được tính từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Theo đó, tiền lãi được tính từ ngày 22/01/2018 đến 27/7/2020 (918 ngày) như sau: $917.598.154 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 918 \text{ ngày} = 207.703.997 \text{ đồng}$.

Công ty F đã rất nhiều lần liên hệ Công ty B yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng không nhận được sự tác của Công ty B. Điều đó đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty FC. Do đó, Công ty Fico khởi kiện Công ty B ra Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức (nay là Tòa án thành phố Thủ Đức), yêu cầu Tòa án buộc Công ty B thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ từ việc thi công cọc nhồi của Hợp đồng nêu trên là 917.598.154 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 9%/năm cho đến khi thực hiện xong việc thanh toán nợ (tạm tính từ ngày 22/01/2018 đến ngày 27/7/2020) là 207.703.997 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Đình Quốc Sang trình bày:

Ngày 04/9/2017, Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng FC (Công ty FC”) ký kết Hợp đồng Thi công (v/v thi công cọc khoan nhồi — hạng mục: Cọcthủ) số 0409/HĐTC-BT6 (“Hợp đồng”) với Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông B (“Công ty B”). Theo đó, Công ty B đồng ý giao và Công ty FC- Corea đồng ý nhận thi công 04 cọc khoan nhồi của gói cọc thử tại dự án bao gồm 02 cọc D800 và 02 cọc D1000, bê tông mác 400R7, Công trình có đơn vị Tư vấn giám sát là Phân Viện khoa học công nghệ xây dựng M (“Phân Viện M”).

Giá trị Hợp đồng là 917.598.154 đồng (Chín trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm năm mươi bốn đồng) (đã bao gồm 10% VAT). Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng, Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty FC thành 02 đợt cụ thể như sau:

+ Đợt 1: Tạm ứng 40% giá trị Hợp đồng sau khi Hợp đồng có hiệu lực.

+ Đợt 2: Thanh toán phần còn lại khi Công ty FC thi công xong toàn bộ 04 cọc và được Công ty B nghiệm thu xác nhận, trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ từ Công ty FC.

Ngày 11/10/2017, Công ty FC gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu số 1110 / YCNTCVXD - CKBT - D1000 đến Công ty B và Phân viện M yêu cầu nghiệm

thu hoàn thành công việc thi công cọc khoan nhồi: Cọc thử D1000-TP2 tại công trường Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn. Cùng ngày, Công ty FC và Phân viện M tiến hành nghiệm thu và lập biên bản Nghiệm thu công việc xây dựng số 1110AB / NTCVXD – CKBT- D1000. Theo đó, các bên xác nhận chất lượng thi công cọc đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và chuyển sang công việc tiếp theo.

Ngày 13/10/2017, Công ty FC gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu số 1310AB/YCNTCVXD - CKBT - D1000 đến Công ty B và Phân viện M yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công việc thi công cọc khoan nhồi: Cọc thử D1000-TP1 tại công trường Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn.

Cùng ngày, Công ty FC và Phân viện M tiến hành nghiệm thu và lập Biên bản Nghiệm thu công việc xây dựng số 1310AB / NTCVXD – CKBT - D1000. Theo đó, các bên xác nhận chất lượng thi công cọc đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và chuyển sang công việc tiếp theo.

Ngày 15/10/2017, Công ty FC gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu số 1510 /YCNTCVXD–CKBT - D800 đến Công ty B và Phân viện M yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công việc thi công cọc khoan nhồi: Cọc thử D800-TP1 tại công trường Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn. Cùng ngày, Công ty FC và Phân viện M tiến hành nghiệm thu và lập biên bản Nghiệm thu công việc xây dựng số 1510AB / NTCVXD –CKBT–D800.

Theo đó, các bên xác nhận chất lượng thi công cọc đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và chuyển sang công việc tiếp theo.

Ngày 17/10/2017, Công ty FC gửi Phiếu yêu cầu nghiệm thu số 1710/YCNTCVXD - CKBT - D800 đến Công ty B và Phân viện M yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công việc thi công cọc khoan nhồi: Cọc thử D800-TP2 tại công trường Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn.

Cùng ngày, Công ty FC và Phân viện M tiến hành nghiệm thu và lập biên bản Nghiệm thu công việc xây dựng số 1710AB/NTCVXD –CKBT – D800. Theo đó, các bên xác nhận chất lượng thi công cọc đạt yêu cầu, đồng ý nghiệm thu và chuyển sang công việc tiếp theo.

Ngày 08/01/2018, Công ty FC và Công ty B lập Bảng xác nhận giá trị khối lượng thi công đối với hạng mục Thi công cọc khoan nhồi – Cọc thử cho dự án Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn. Theo đó, các bên thống nhất xác nhận giá trị khối lượng thực hiện là 917.598.154 đồng (Chín trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm năm mươi bốn đồng) (đã bao gồm 10% VAT).

Ngày 12/01/2018, Công ty FC xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000255 trên số tiền 917.598.154 đồng (Chín trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm năm Cho Công ty B. Ngày 12/01/2018, Công ty B nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000255 trên số tiền 917.598.154 đồng (Chín trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm năm mươi bốn đồng) cho Công ty B.

Tuy nhiên, Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ hợp đồng đã xuất hiện dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên quy mô toàn cầu, đến nay vẫn đang tiếp tục diễn biến nghiêm trọng, phức tạp trên phạm vi cả nước. Với tình hình phức tạp của dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra. Ngày 29/01/2020, tại Quyết định 219/QĐ – BYT, Bộ Y tế đã bổ sung bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (có tên gọi là Covid-19) vào danh mục các bệnh truyền nhiễm nhóm A. Ngày 01/02/2020 Thủ Tướng Chính phủ đã Ban hành Quyết định số 173/QĐ–TTg về việc Công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra và đến thời điểm hiện tại dịch bệnh ngày càng trở lên phức tạp. Với tình hình phức tạp của Đại dịch Covid- 19, ngày 31/03/2020 Thủ Tướng chính phủ đã có Chỉ Thị số 16/CT-TTg, 15/CCT-TTG về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid -19 thực hiện cách ly Toàn xã hội. Dịch bệnh Covid-19 đã gây thiệt hại nặng nề, ảnh hưởng toàn bộ đến kế hoạch kinh doanh, tài chính, đầu tư của tất cả doanh nghiệp trong nước. Công ty B cũng đã bị tác động và ảnh hưởng lớn đến kế hoạch đầu tư xây dựng công trình trong suốt thời gian qua do sự kiện bất khả kháng dịch bệnh gây ra. Bên cạnh đó, căn cứ theo quy định tại khoản 15.2, Điều 15 của Hợp đồng Thi công (v/v thi công cọc khoan nhồi – hạng mục: Cọc thử) số 0409/HĐTC-BT6 (“Hợp đồng”) được ký kết ngày 04/9/2017 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng FC với Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông B quy định về sự kiện bất khả kháng:

“15.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.”.

Hiện nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 tại TP.HCM vẫn đang kéo dài và diễn biến phức tạp là một sự kiện bất khả kháng mà không ai mong muốn, Công ty B đang gặp phải rất nhiều khó khăn về tài chính, vốn và doanh thu trong suốt thời gian qua. Tuy nhiên, để cùng nhau chia sẻ giải quyết khó khăn trong dịch bệnh, Công ty B chỉ đồng ý thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Fico- Corea khoản tiền là 917.598.154 đồng (Chín trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm năm mươi bốn đồng). Do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn Chúng tôi xin được thanh toán số tiền trên thành nhiều đợt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hồng Trung trình bày:

Ngày 01/8/2018, Công ty TNHH MTV Đầu tư Đông Sài Gòn DSG và Phân Viện khoa học công nghệ xây dựng M (viết tắt là Phân viện Miền Nam) đã ký kết hợp đồng số 01/2018/TVGS/DSG-IBST về việc Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị cho công trình Trung tâm thương mại dịch vụ Đông Sài Gòn – Saigon East Commercial Centre do Công ty TNHH MTV Đầu tư Đông Sài Gòn DSG làm Chủ đầu tư. Công trình bắt đầu thi công ngày 03/9/2018 và tạm dừng thi công vào tháng 6/2019. Tính đến thời điểm tạm dừng, công trình đã thi công hoàn thành phần cọc khoan nhồi, phần tầng hầm và thi công dang dở sàn tầng trệt. Toàn bộ hồ sơ quản lý chất lượng được lưu trữ tại văn phòng của Chủ đầu tư IBST/S đã thực hiện đúng trách nhiệm của đơn vị TVGS ghi trong hợp đồng số 01/2018/TVGS/DSG-IBST ngày 01/8/2018. Chủ đầu tư đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác tư vấn giám sát phần cọc khoan nhồi và phần tầng hầm.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Kiều Tiên trình bày: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty B thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ từ việc thi công cọc nhồi của Hợp đồng thi công số 0409/HĐTC-BT6 ngày 04/9/2017 là 917.598.154 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 9%/năm trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 22/01/2018 (ngày bị đơn nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng và hồ sơ đề nghị thanh toán) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022) là 04 năm 05 tháng và 06 ngày với mức lãi suất 9%/năm, tuy nhiên nguyên đơn chỉ tính tiền lãi là 4 năm 05 tháng với mức lãi suất 9%/năm trên số tiền nợ gốc 917.598.154 đồng là 364.745.266 đồng, tổng cộng là 1.282.343.420 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty B do ông Nguyễn Đình Quốc Sang là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phân viện M do ông Lê Hồng Trung là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục thụ lý, cấp tổng đạt văn bản, nộp tiền tạm ứng án phí đúng theo quy định của pháp luật. Có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Gửi quyết định xét xử cho các đương sự, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, cũng như việc gửi hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu được thực hiện đúng quy định pháp luật. Xác định đúng người tham gia tố tụng trong vụ án, tại phiên tòa

xét xử vắng mặt đương sự đúng theo của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền của đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty F buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty F số tiền thi công cọc nhồi của Hợp đồng thi công số 0409/HĐTC-BT6 ngày 04/9/2017 là 917.598.154 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 9%/năm trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 22/01/2018 (ngày bị đơn nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng và hồ sơ đề nghị thanh toán) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022) nhưng chỉ tính 04 năm 05 tháng là 364.745.266 đồng, tổng cộng là 1.282.343.420 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm Công ty B phải chịu theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty F khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả số tiền thi công cọc nhồi hạng mục: Cọc thử tại công trường Dự án Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đông Sài Gòn còn nợ và tiền lãi chậm thanh toán. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng thi công thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0401466729 của Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông B, đăng ký lần đầu ngày 11/10/2007 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 21/02/2019 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp cho Tòa án thì Công ty B có trụ sở chính tại G23 đường Lã Xuân Oai, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty B chưa đăng ký giải thể nên căn cứ quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1, Khoản 3 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Hồ Thanh Th, bà Trần Thị Thủy T tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 20/7/2020 của Công ty FC; ông Nguyễn Đình Quốc Sang tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 29/11/2021 của Công ty B; ông Lê Hồng Trung tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 20/12/2021 của Phân Viện khoa học công nghệ xây dựng M. Việc ủy quyền của các đương sự là hợp lệ nên chấp nhận.

- Ông Hồ Thanh Th vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo nội dung Giấy ủy quyền thể hiện trường hợp một trong hai người được ủy quyền vắng mặt thì ý kiến của người có mặt cũng là ý kiến của người vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

Ông Lê Hồng Trung là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Hồng Trung.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đình Quốc S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đình Quốc Sang.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu bị đơn trả tiền thi công cọc nhồi theo Hợp đồng thi công số 0409/HĐTC-BT6 ngày 04/9/2017 còn nợ là 917.598.154.000 đồng, Hội đồng xét xử xét:

Tại Bảng xác nhận giá trị thi công đối với hạng mục thi công cọc khoan nhồi- Cọc thử cho Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ Đông Sài Gòn – Saigon East Commercial Centre do Công ty TNHH MTV Đầu tư Đông Sài Gòn lập ngày 08/01/2018 cả hai bên đều xác nhận khối lượng thực hiện là 917.598.154 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất các nội dung: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng số Hợp đồng thi công ngày 04/9/2017 V/v thi công cọc nhồi - hạng mục: Cọc thử số 0409HĐTC-BT6. Theo đó, Công ty F đã thi công 04 cọc khoan nhồi của gói cọc thử tại công trình Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ Đông Sài Gòn - Saigon East Commercial Centre do Công ty TNHH MTV Đầu tư Đông Sài Gòn làm Chủ đầu tư, bao gồm: 02 cọc D800 và 02 cọc D1000, bê tông mác 400R7. Công trình của bị đơn có ký dịch vụ tư vấn giám sát với đơn vị Tư vấn giám sát là Phân viện M. Giá trị hợp đồng là 917.598.154 đồng (đã bao gồm thuế VAT). Ngày 12/01/2018, Công ty FCuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000255 trên số tiền 917.598.154đ (Chín trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm năm đồng) cho Công ty

B. Ngày 12/01/2018, Công ty B đã nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000255 trên số tiền 917.598.154 đồng (Chín trăm mười bảy triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm năm mươi bốn đồng) do Công ty F gửi nhưng phía bị đơn lại chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn vì lý do dịch bệnh Covid 19, Công ty gặp khó khăn về tài chính. Do đó căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền thi công cọc nhồi còn nợ là 917.598.154.000 đồng theo Hợp đồng thi công ngày 04/9/2017 V/v thi công cọc nhồi - hạng mục: Cọc thử số 0409HĐTC-BT6.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi chậm trả:

Xét, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 9%/năm trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 22/01/2018 (sau 10 ngày bị đơn nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng và hồ sơ đề nghị thanh toán) đến ngày thi hành án xong, tạm tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022) là 04 năm 05 tháng 06 ngày nhưng nguyên đơn tự nguyện làm tròn thời gian 04 năm 05 tháng với lãi suất 9%/năm trên số tiền 917.598.154.000 đồng là 364.745.266 đồng.

Căn cứ mức lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn của các ngân hàng cung cấp tại các tài liệu đính kèm theo các Công văn số 291/GĐI-KT ngày 24/5/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số 255/NHNo.KDDN ngày 28/3/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, số 059/CV-TĐC ngày 28/3/2022 của Ngân hàng TMCP Đông Á thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình này cao hơn mức lãi suất 9%/năm mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi quá hạn do chậm thanh toán theo mức 9%/năm là có lợi cho bị đơn và phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, điểm b Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch là 50.517.251 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều

39, Khoản 3 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 259, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Khoản 2 Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng FC:

Buộc Công ty cổ phần Xây dựng B phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng FC số tiền mua hàng còn thiếu theo Hợp đồng thi công số 0409/HĐTC-BT6 ngày 04/9/2017 (V/v thi công cọc khoan nhồi- hạng mục: Cọc thử) là 917.598.154 đ (Chín trăm mười bảy ngàn năm trăm chín mươi tám ngàn một trăm năm mươi tư đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 22/01/2018 cho đến ngày Tòa xử sơ thẩm (ngày 28/6/2022) là 364.745.266 đồng, tổng cộng là 1.282.343.420 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần Xây dựng B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch là 50.517.251 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng FC số tiền 22.879.532 đồng tạm ứng án phí Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng FC đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0046664 ngày 18/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

4. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Nguyệt